

**KẾ HOẠCH**  
**Nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 3047/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch Nâng cao chỉ số Chuyển đổi số năm 2023 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho các phòng, đơn vị thuộc Sở các nội dung cần thực hiện để nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của Sở.

**II. NHIỆM VỤ TỔNG QUÁT NĂM 2023**

Các phòng đơn vị thuộc, trực thuộc Sở tập chung triển khai các nhiệm vụ sau:

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
1	<i>Nhận thức số</i>	120				
1.1	Người đứng đầu Sở/Ban/Ngành là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số ngành, lĩnh vực	15	- Quyết định thành lập ban chỉ đạo Chuyển đổi số của Sở trong đó Trưởng ban là Giám đốc Sở. - Ban hành lại quyết định khi có sự thay đổi về nhân sự	Quyết định	Văn phòng Sở	Phòng quản lý chuyên ngành

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
1.2	Người đứng đầu Sở/Ban/Ngành chủ trì, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số	45				
1.2.1	Người đứng đầu Sở/Ban/Ngành tham gia đầy đủ các cuộc họp về CDS của tỉnh	15	Giám đốc Sở tham dự các cuộc của UBND tỉnh liên quan đến các nội dung về chuyển đổi số.	Lịch công tác của lãnh đạo Sở	Văn phòng Sở	Phòng quản lý chuyên ngành
1.2.2	Người đứng đầu Sở/Ban/Ngành chủ trì các cuộc họp về CDS của Sở/Ban/Ngành	30	Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Sở tổ chức họp vào các tháng 1,4,7,10 và họp đột xuất để thực hiện các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Sở.	Giấy mời; biên bản họp; ý kiến chỉ đạo	Văn phòng Sở	Phòng quản lý chuyên ngành
1.3	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do Người đứng đầu Sở/Ban/Ngành ký	30	Ban hành các văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do Giám đốc sở ký khi UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo hoặc khi có yêu cầu của UBND tỉnh.	Các kế hoạch, chương trình liên quan đến chuyển đổi số	Văn phòng Sở	Phòng quản lý chuyên ngành
1.4	Cổng thông tin điện tử của Sở/Ban/Ngành có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	30	Có chuyên mục riêng về Chuyển đổi số và số lượng tin, bài về Chuyển đổi số trong năm đạt từ 25 tin bài trở lên.	Cung cấp các đường link về chuyên mục, bài viết	Trung tâm TTTK,U DKHCN	Phòng quản lý chuyên ngành
<b>2</b>	<b>Thẻ chế số</b>	<b>120</b>				

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
2.1	Kế hoạch hành động 5 năm của Sở/Ban/Ngành về chuyển đổi số	40	Ban hành kế hoạch hành động 5 năm của Sở Khoa học và Công nghệ về Chuyển đổi Số.	Kế hoạch số 27/KH-SKHCN ngày 21/3/2022	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
2.2	Kế hoạch hành động hằng năm của Sở/Ban/Ngành về chuyển đổi số	40	Ban hành kế hoạch hành động năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về Chuyển đổi Số.	Kế hoạch chuyển đổi số Sở KHHCN năm 2023	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
2.3	Có công chức, viên chức chuyên trách CDS tham gia đầy đủ các hội nghị, hội thi, chương trình bồi dưỡng, tập huấn về CDS do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức	40	Cử cán bộ công chức, viên chức chuyên trách CDS tham gia đầy đủ các hội nghị, hội thi, chương trình bồi dưỡng, tập huấn về CDS do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.	Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
<b>3</b>	<b>Hạ tầng số</b>	<b>120</b>				
3.1	Mức độ ứng dụng các nền tảng số dùng chung	80	Các phòng, đơn vị thuộc Sở sử dụng các nền tảng số dùng chung bao gồm: Nền tảng số dùng chung của Bộ, ngành TW, của tỉnh triển khai.	Cung cấp, liệt kê nền tảng dùng chung của Sở sử dụng của Bộ, UBND tỉnh	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
3.2	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số	40	Triển khai sử dụng nền tảng số ứng dụng AI; nền tảng số dùng chung.		Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
<b>4</b>	<b>Nhân lực số</b>	<b>120</b>				
4.1	Có công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số	30	Ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ với đồng chí chuyên trách về chuyển đổi số.	Quyết định	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
4.2	Công chức, viên chức chuyên trách về An toàn thông tin mạng	20	Ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ với đồng chí chuyên trách về An toàn thông tin mạng.	Quyết định	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
4.3	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	25	Phối hợp với đơn vị tư vấn, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức của Sở.	Kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo; giấy mời; công văn cử người	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
4.4	Công chức, viên chức chuyên trách chuyển đổi số của cơ quan tham gia đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin	25	Cử cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách chuyển đổi số của cơ quan tham gia đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin.	Công văn cử người	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
4.5	Số lượng công chức, viên chức được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch	20	Toàn bộ công chức, viên chức đăng ký tài khoản và tham gia vào các khóa học, thực hiện làm bài trắc nghiệm của các khóa học trên nền tảng OneTouch: <a href="https://onetouch.mic.gov.vn">https://onetouch.mic.gov.vn</a> .	Danh sách tài khoản đăng ký nền tảng OneTouch	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
<b>5</b>	<b><i>An toàn thông tin mạng</i></b>	<b>120</b>				
5.1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	15	Toàn bộ hệ thống thông tin của sở phải được phê duyệt hồ sơ cấp độ	Quyết định	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
5.2	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	15	Toàn bộ các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo HSDXCD đã được phê duyệt;	Các hệ thống thông tin cung cấp các phương án bảo vệ	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
5.3	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	15	Phối hợp với Sở thông tin và truyền thông kết nối các hệ thống thông tin tới trung tâm giám sát của tỉnh rồi kết nối đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).	Công văn phối hợp	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
5.4	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT	15	Phối hợp với Sở thông tin và truyền thông Kiểm tra, đánh giá các hệ thống thông tin của Sở theo các nội dung quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.	Công văn phối hợp	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
5.5	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	10	Xây dựng Kế hoạch ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng năm 2023.	Kế hoạch ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
5.6	Tham gia các cuộc diễn tập do tỉnh triển khai	10	Tham gia các cuộc diễn tập do tỉnh triển khai	Công văn cử người	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
5.7	Số lượng sự cố đã xử lý trong đơn vị	10	Hàng tháng Sở thông tin và Truyền thông tiếp nhận thông tin và gửi công văn về các đơn vị: vd các đơn vị có mã độc. Căn cứ công văn của Sở TTTT, Phòng quản lý chuyên ngành tham mưu thuê đơn vị xử lý sự cố (nếu có).	Công văn của Sở Thông tin và Truyền thông	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
5.8	Đơn vị có tham gia lớp kiểm tra, đánh giá ATTT của tỉnh tổ chức	10	Cử công chức, viên chức tham gia lớp kiểm tra, đánh giá ATTT của tỉnh tổ chức.	Công văn cử người	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
5.9	Đơn vị có tham gia lớp diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT của tỉnh tổ chức	10	Cử công chức, viên chức tham gia lớp diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT của tỉnh tổ chức.	Công văn cử người	Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan
5.10	Kinh phí chung chi cho ATTT	10	Kinh phí đầu tư từ NSNN cho ATTT + Kinh phí thường xuyên từ NSNN chi cho ATTT So với Tổng chi từ NSNN cho Chuyển đổi số trên 10%.	Liệt kê toàn bộ chi cho an toàn thông tin: các ứng dụng, phần mềm quét virus ...	Kế toán Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
<b>6</b>	<b><i>Hoạt động chính quyền số</i></b>	<b>400</b>				
6.1	Công thông tin điện tử của cơ quan đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin trên môi trường mạng	30	Công thông tin điện tử của cơ quan đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin trên môi trường mạng. Định kỳ hằng năm, gửi báo cáo theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP về Sở KHCN trước ngày 31.9	Báo cáo kết quả thực hiện việc cung cấp thông tin theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP	Trung tâm TTTK,U DKHCN	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.2	Rà soát, cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính trên hệ thống giải quyết TTHC theo quy định	30	Rà soát, cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính trên hệ thống giải quyết TTHC theo quy định.	Các quyết định ban hành thủ tục hành chính của sở	Văn Phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
6.3	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	10	Toàn bộ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).		Văn Phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	30	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến $\geq 80\%$ :	Văn bản, tài liệu chứng minh	Bộ Phận một cửa Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.5	Tỷ lệ số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính	30	Tỷ lệ số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Cung cấp số liệu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Phận một cửa Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.6	Tỷ lệ ký số cá nhân của cơ quan	20	Tăng cường sử dụng ký số cá nhân.	Tổng văn bản đi được ký số; tổng văn bản đi	Văn Thư	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.7	Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc qua mạng	30	Văn thư sở thực hiện lập hồ sơ điện tử lưu ở cơ quan và chuyển hồ sơ lưu trữ theo công văn của sở nội vụ.	Hồ sơ điện tử	Văn Thư	Các phòng, đơn vị có liên quan



STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
6.8	Tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở của cơ quan	20			Văn Phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.9	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở/Ban/Ngành và đến từng thiết bị cá nhân	20	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở/Ban/Ngành và đến từng thiết bị cá nhân	Các nền tảng họp trực tuyến đến thiết bị cá nhân	Văn Phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.10	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	20	Tăng cường Kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số; Kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số. Tỷ lệ so với tổng chi ngân sách nhà nước cho chính quyền số $\geq 2\%$ .	Quyết định phê duyệt ngân sách nhà nước của Sở	Kế toán Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.11	Ứng dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp	20	Ứng dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp.	Nền tảng trợ lý ảo	Văn Phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.12	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động Chính quyền số	20	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động Chính quyền số.		Phòng quản lý chuyên ngành	Các phòng, đơn vị có liên quan

STT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Công việc thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
6.13	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Công DVC) để cung cấp thông tin	20	Đăng tải thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ lên trang facebook, youtube... của sở	Đường link trang facebook, youtube ... của sở	Trung tâm TTTK,U DKHCN	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.14	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp	20	Đăng tải thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ lên trang facebook, youtube... của Sở.	Đường link trang Facebook, Youtube ... của sở	Trung tâm TTTK,U DKHCN	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.15	Tỷ lệ DVCTT toàn trình	20	Tăng số lượng dịch vụ công đủ điều kiện lên DVC trực tuyến toàn trình.	Báo cáo về thủ tục hành chính	Văn Phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.16	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	40		Cung cấp các số liệu liên quan	Bộ Phận một cửa Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan
6.17	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	20	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT Tỷ lệ $\geq 90\%$ .	Cung cấp các số liệu liên quan	Bộ Phận một cửa Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### **1. Thủ trưởng các phòng, đơn vị có trách nhiệm**

- Quán triệt nội dung của Kế hoạch này cho tất cả các cán bộ công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý.
- Tham mưu triển khai giải quyết các nhiệm vụ thuộc phạm vi được giao.
- Chịu trách nhiệm trực tiếp về nội dung công việc cần thực hiện trong phòng, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; chủ động đề xuất và triển khai các nội dung công việc trong lĩnh vực mình phụ trách.

### **2. Văn phòng Sở**

- Là cơ quan Thường trực triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Trình Giám đốc Sở quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Thực hiện tổng hợp tài liệu, chấm điểm chỉ số Chuyển đổi số theo quy định.
- Tham mưu, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các phòng, đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp báo cáo lãnh đạo Sở xem xét, quyết định./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCNg.

**Nguyễn Xuân Hải**